



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Tư vấn Xây dựng Điện 2

Ngày 30/09/2025	34,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-5.7%	-7.4%	1.8%

DT thuần Q3/25
254
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 38.0 17.5%
YoY: ▼ 38.0 -13.1%

LN thuần Q3/25
13.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 6.80 -32.8%
YoY: ▼ 11.5 -45.3%

LN sau thuế Q3/25
13.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 5.10 -27.4%
YoY: ▼ 6.00 -30.7%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
6.3%
YoY: +/- ▼ 3.3%

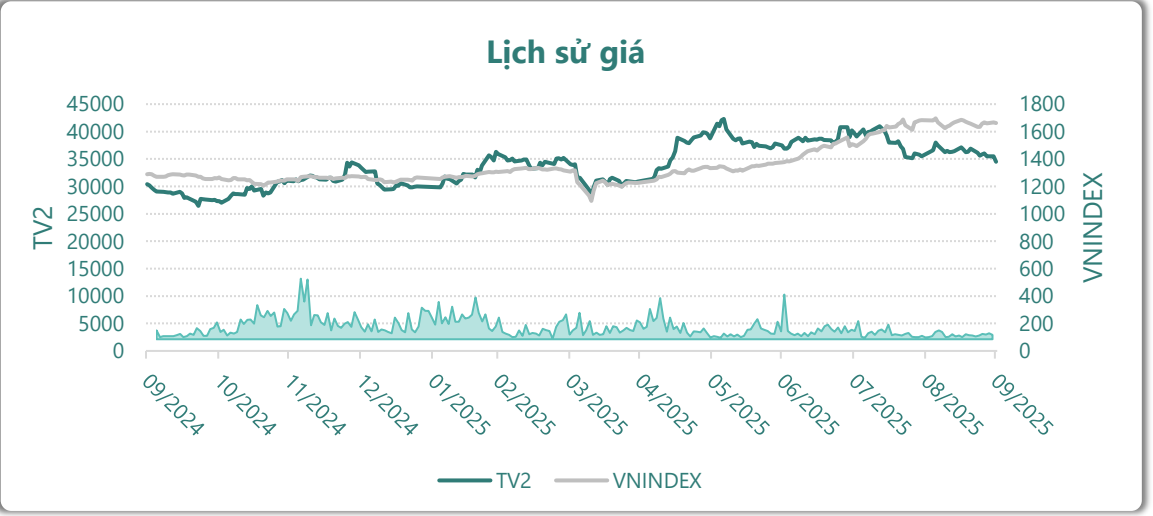
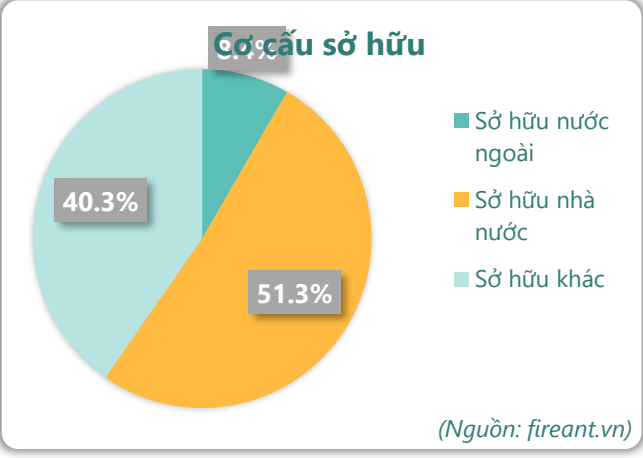
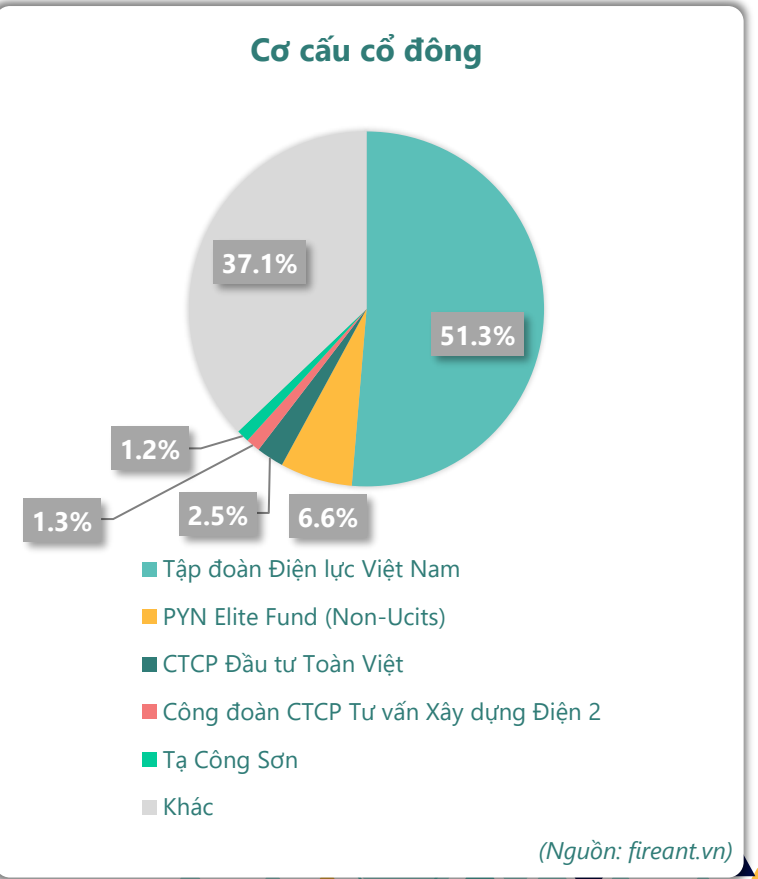
ROE (TTM) Q3/25
5.1%
YoY: +/- ▼ 0.6%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	26,446 - 42,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,330
Số lượng CPLH (CP)	67,526,165
KLGD BQ 20 phiên (CP)	253,615
Sở hữu nước ngoài	8.4%
Beta	0.98
EPS	973
P/E	35.5

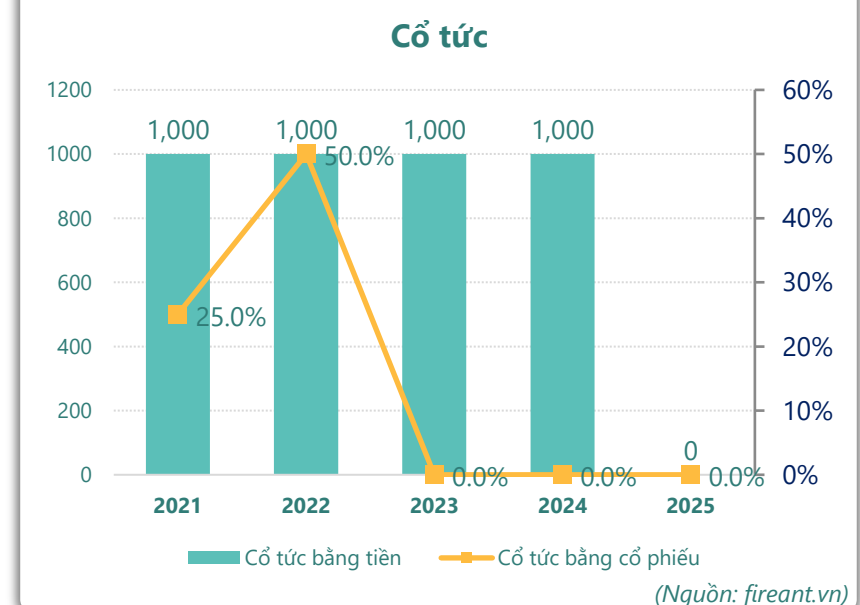
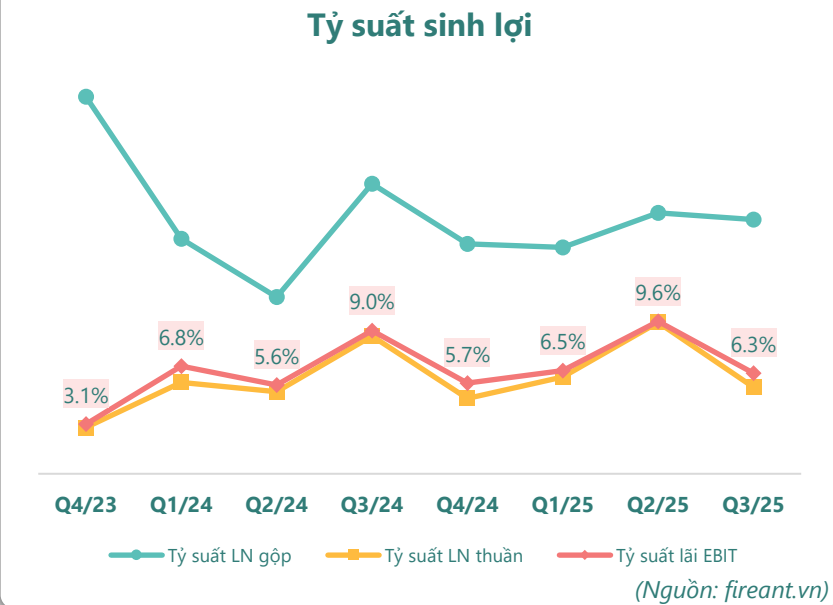
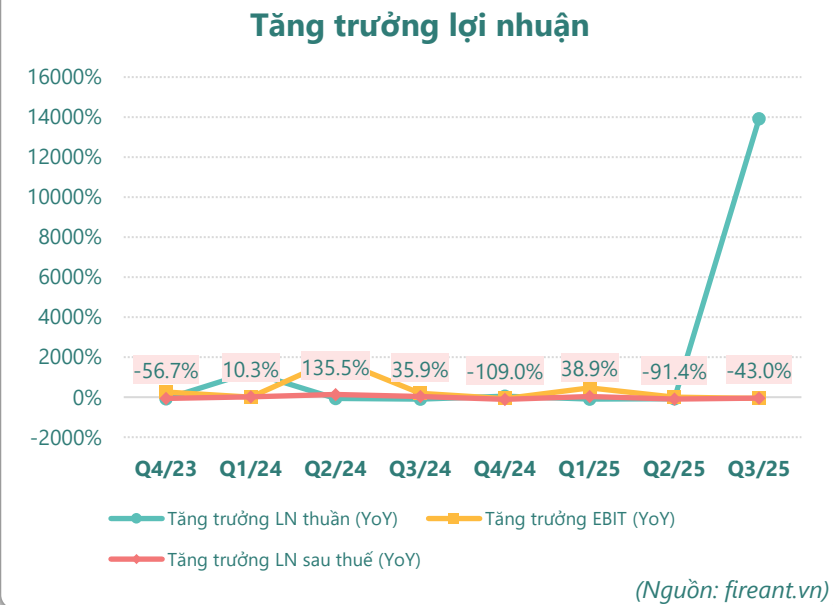
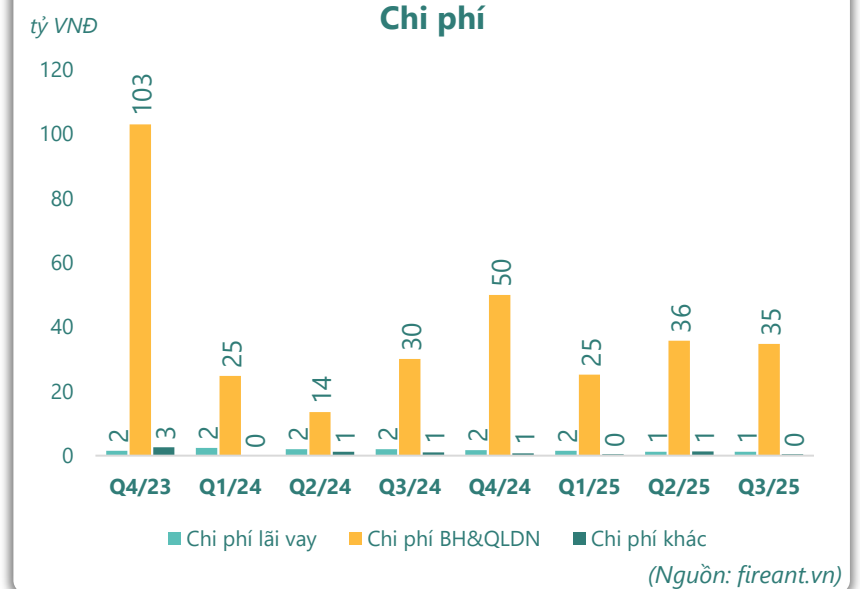
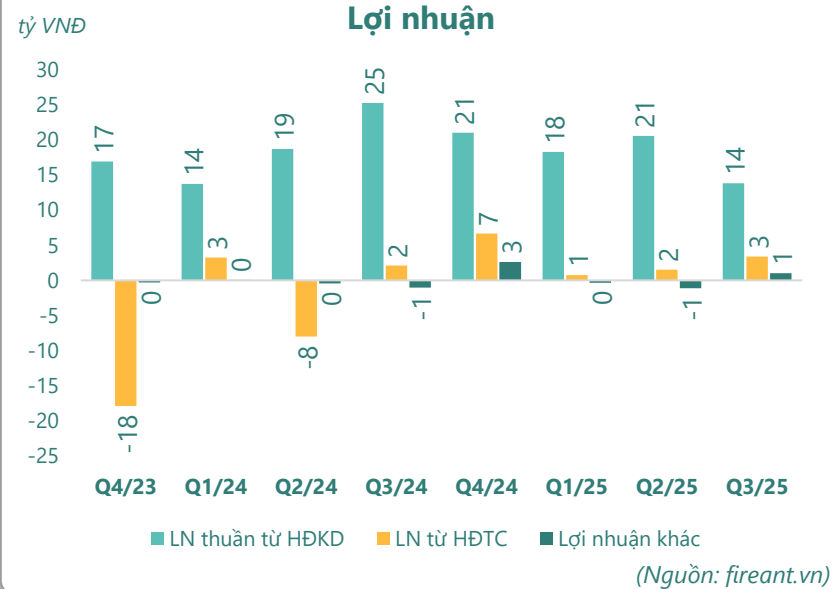
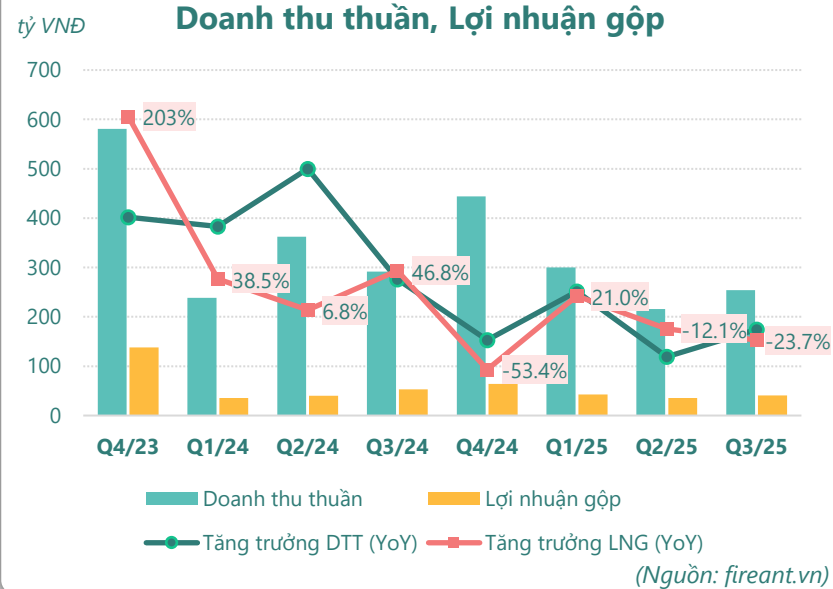
DT thuần 9T 2025
770
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 122 -13.8%

LN thuần 9T 2025
52.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 5.10 -8.7%

LN sau thuế 9T 2025
46.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.60 3.8%

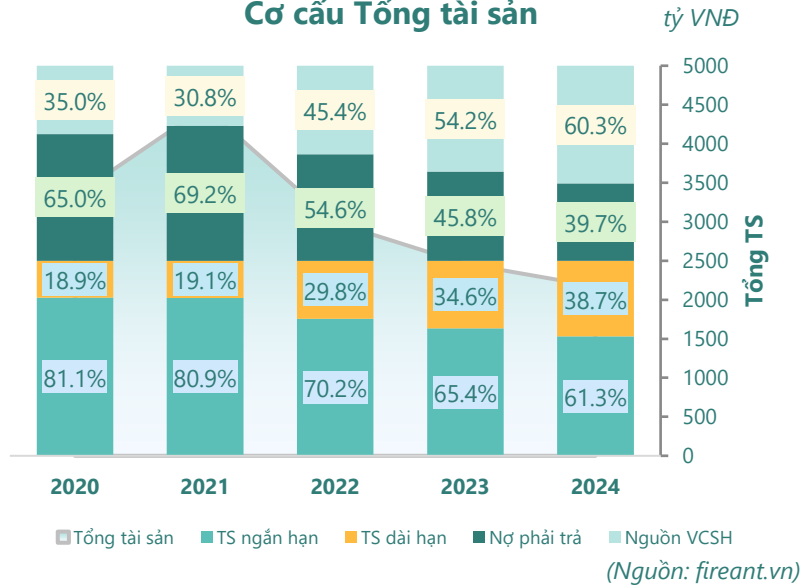


KẾT QUẢ KINH DOANH

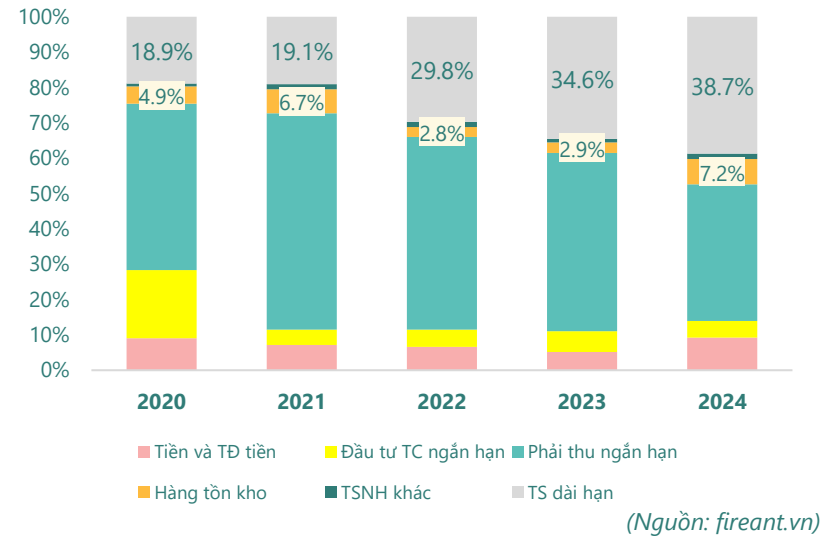


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

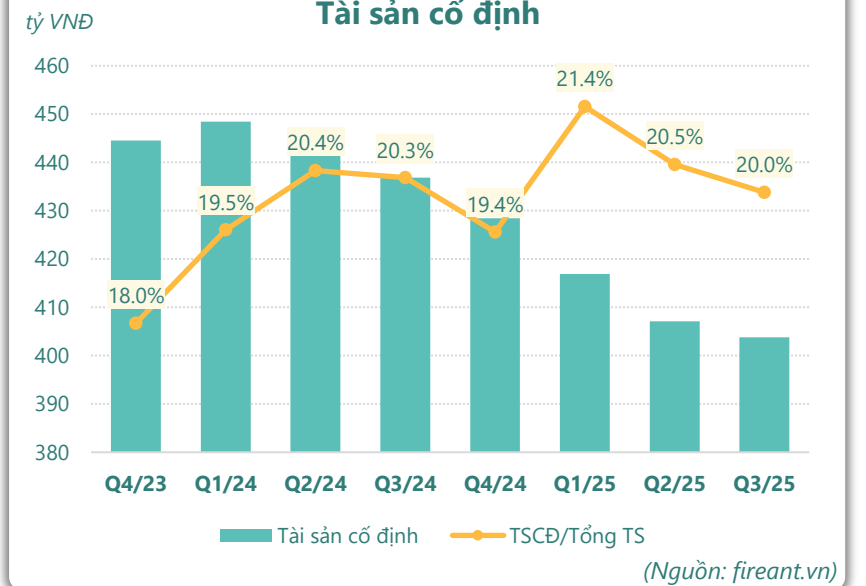
Cơ cấu Tổng tài sản



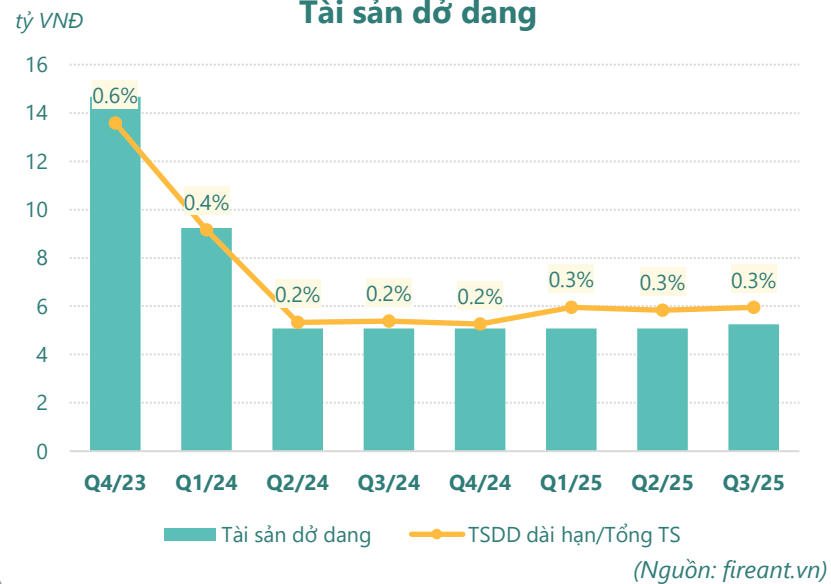
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



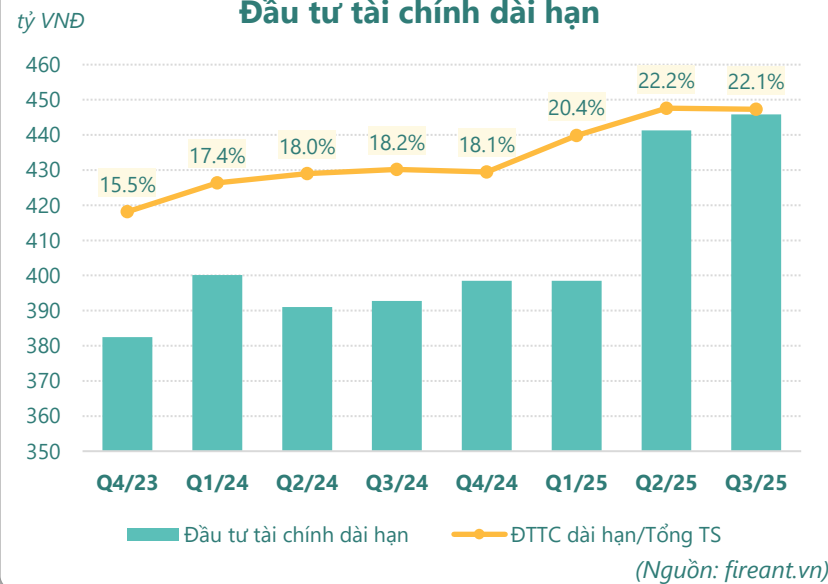
Tài sản cố định



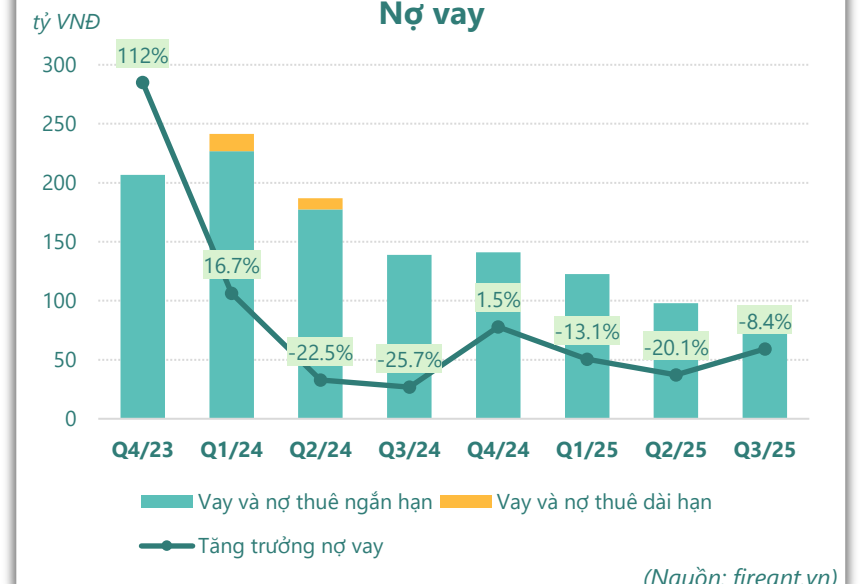
Tài sản dở dang



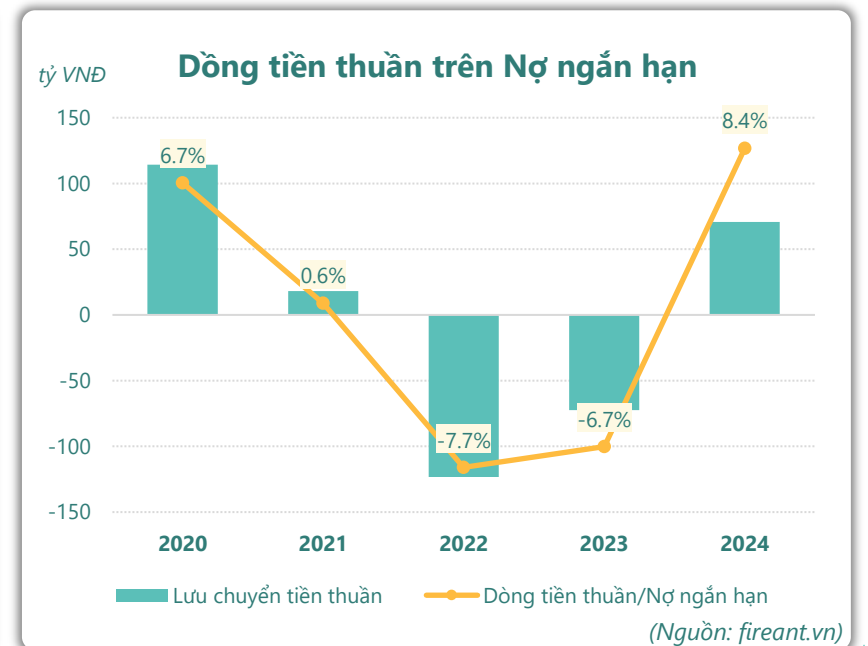
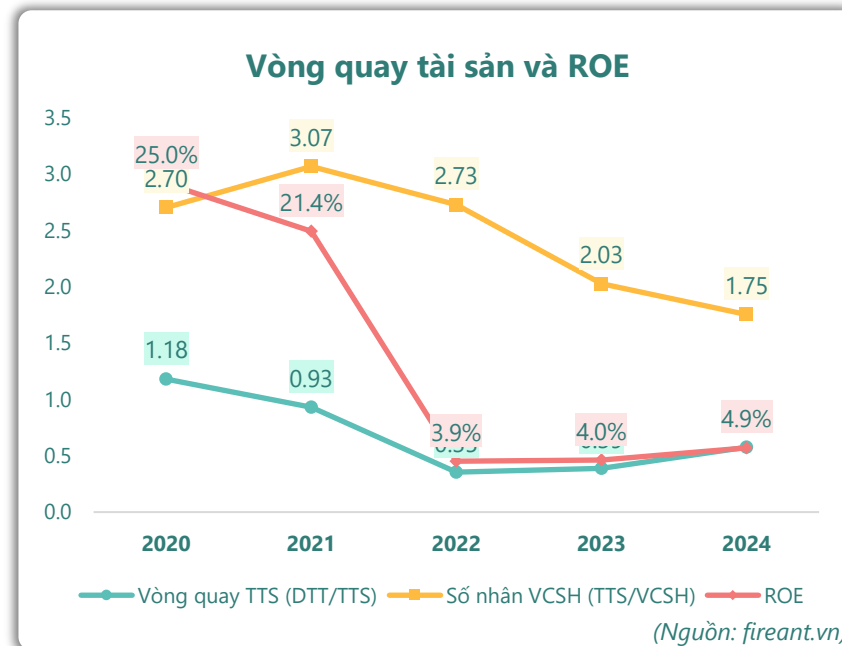
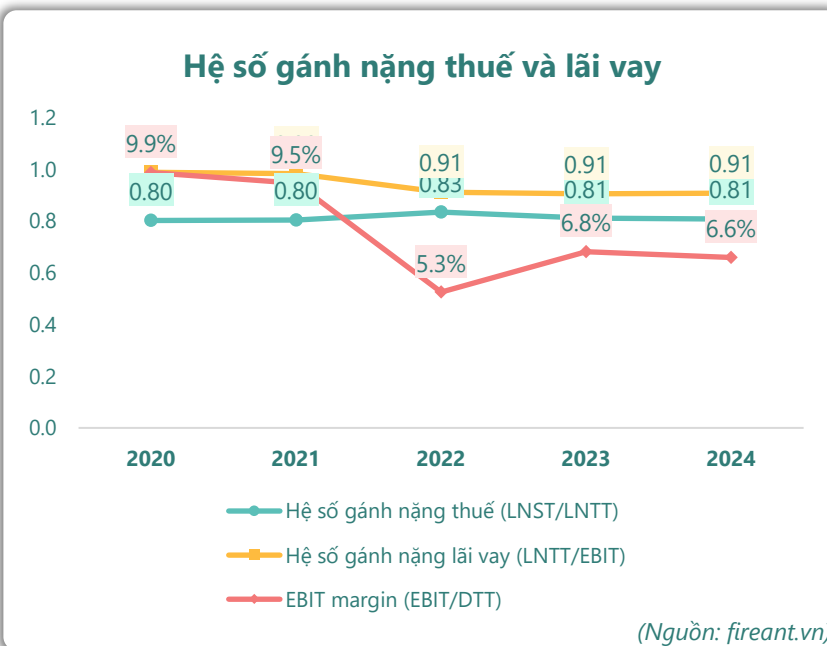
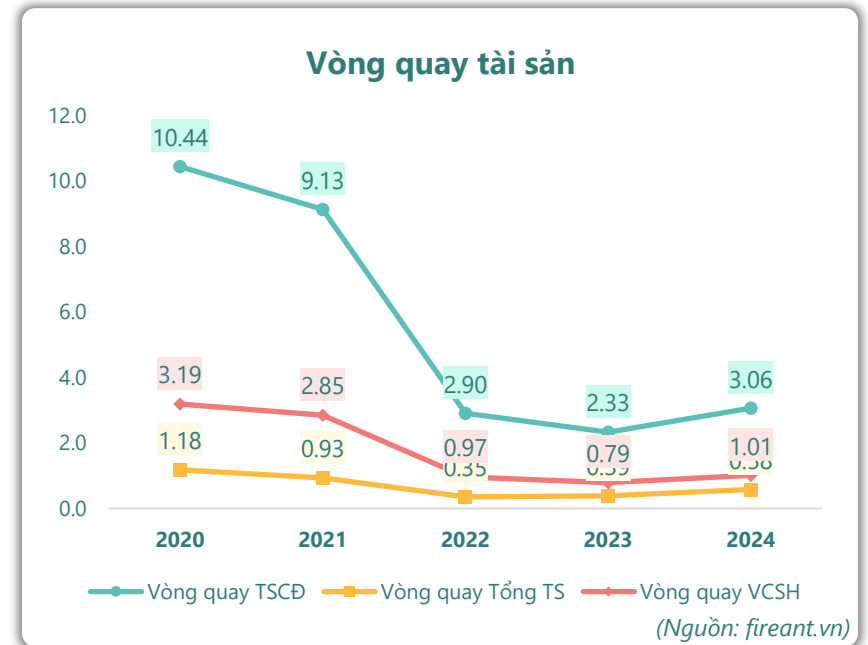
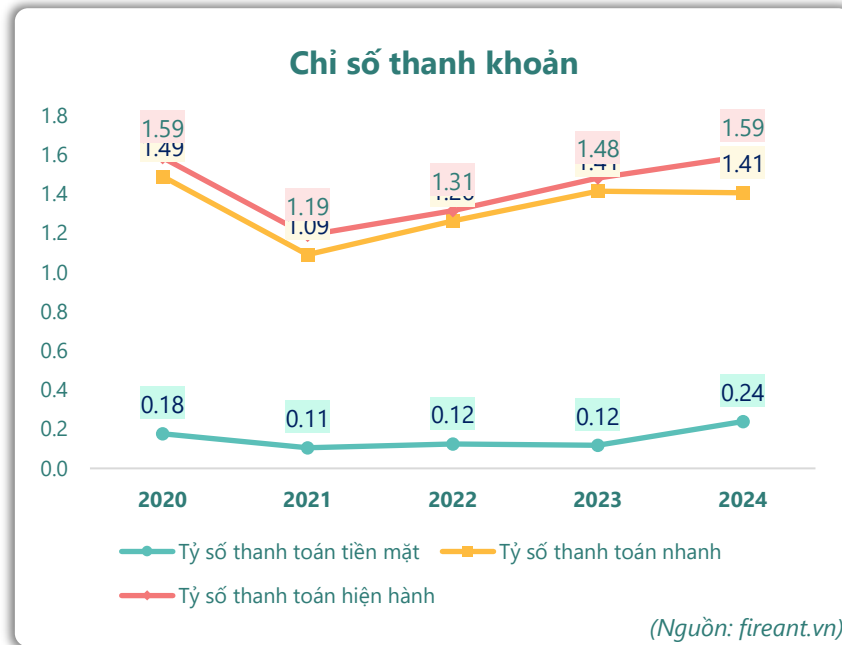
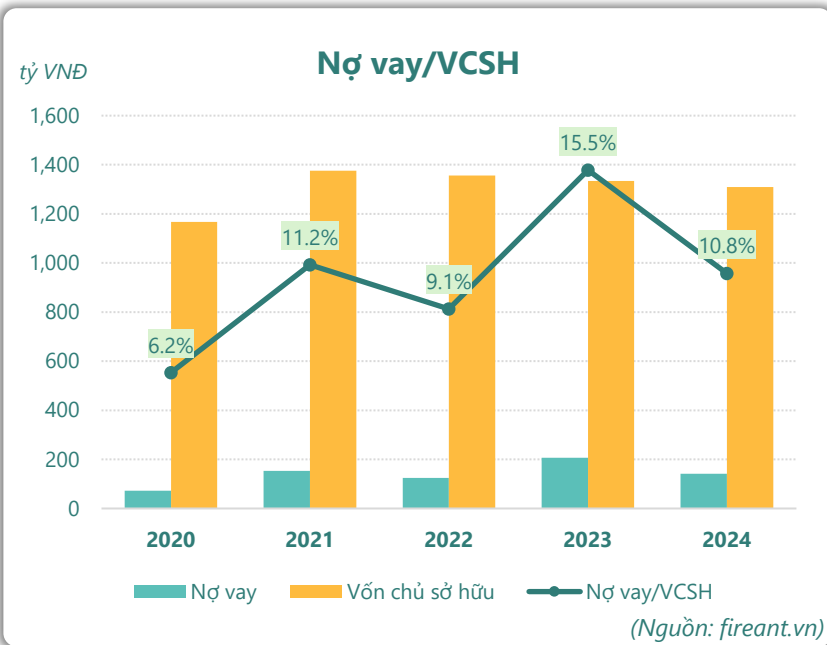
Đầu tư tài chính dài hạn



Nợ vay



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	254	292	-13.1%	770	892	-13.8%
Giá vốn hàng bán	213	238	-10.4%	651	763	-14.8%
Lợi nhuận gộp	40.7	53.3	-23.7%	119	129	-7.8%
Doanh thu HĐTC	5.50	4.22	30.3%	11.1	13.3	-16.9%
Chi phí TC	2.10	2.09	0.3%	5.41	16.0	-66.1%
Chi phí lãi vay	1.26	2.00	-37.2%	4.06	6.38	-36.4%
LN trong công ty LKLD	4.54	0.00		23.9	0	
Chi phí bán hàng	0.67	0.70	-4.3%	2.24	3.98	-43.7%
Chi phí QLDN	34.1	29.4	16.0%	93.5	64.6	44.9%
LN thuần từ HĐKD	13.8	25.3	-45.3%	52.7	57.8	-8.7%
Lợi nhuận khác	1.01	-1.02	199%	-0.45	-1.40	68.0%
LN trước thuế	14.8	24.3	-38.9%	52.3	56.4	-7.3%
Lợi nhuận sau thuế	13.4	19.4	-30.7%	46.4	44.8	3.8%
LNST của CĐ cty mẹ	13.2	19.4	-31.9%	45.8	44.8	2.3%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-80.3	34.3	229	-84.4	44.7	81.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	37.3	-4.14	-78.2	67.7	11.0	-17.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-54.4	-48.1	-65.6	-18.6	-24.7	-8.24
Tiền đầu kỳ	229	133	114	200	165	197
Lưu chuyển tiền thuần	-97.4	-17.9	84.7	-35.3	31.0	55.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0.87	-1.33	1.60	0.12	1.00	0.60
Tiền cuối kỳ	133	114	200	165	197	252

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,015	2,173	-7.2%
Tài sản ngắn hạn	1,150	1,332	-13.6%
Tiền và tương đương tiền	252	200	26.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	37.5	103	-63.6%
Phải thu ngắn hạn	684	839	-18.6%
Hàng tồn kho	155	156	-0.8%
Tài sản ngắn hạn khác	22.0	33.2	-33.6%
Tài sản dài hạn	865	841	2.9%
Phải thu dài hạn	1.19	2.30	-48.2%
Tài sản cố định	404	428	-5.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	5.25	5.08	3.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	446	399	11.9%
Tài sản dài hạn khác	9.04	6.61	36.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	726	863	-15.9%
Nợ ngắn hạn	698	836	-16.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	89.7	141	-36.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	214	363	-41.0%
Nợ dài hạn	28.4	27.3	3.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,289	1,309	-1.5%
Vốn chủ sở hữu	1,289	1,309	-1.5%
Vốn điều lệ	675	675	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0.05	0.05	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

